

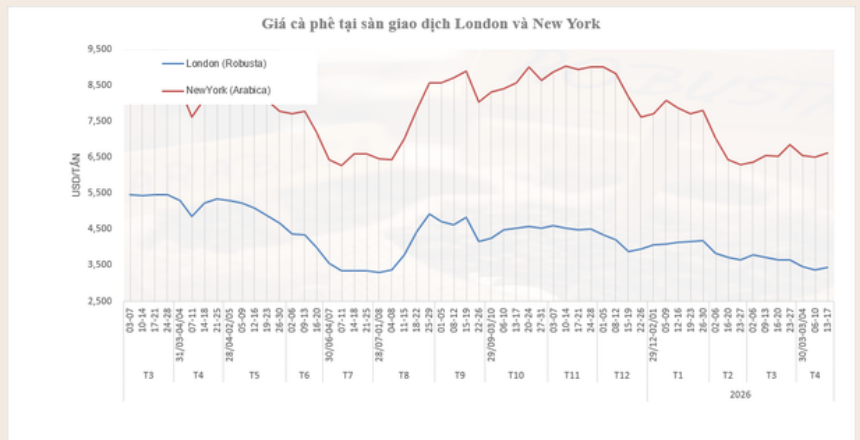
NGÀNH HÀNG CÀ PHÊ

www.thitruongnongsan.gov.vn

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tăng trên hai sàn giao dịch New York và London trong tuần từ 13/04/2025 - 17/04/2026.
- Theo ICO, xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 2/2026 đạt 11,46 triệu bao, giảm 5,70% so với cùng kỳ năm trước.
- Theo UCDS, xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 2/2026 đạt 651.933 bao, tăng 14,94% so với cùng kỳ năm trước.
- Nhật Bản thử nghiệm mở rộng sản xuất cà phê nội địa sang các khu vực phía Bắc như Hokkaido và Tohoku.

THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ



Nguồn: Sàn kỳ hạn ICE

THỊ TRƯỜNG CÀ PHÊ THẾ GIỚI

GIÁ CÀ PHÊ THẾ GIỚI

Trong tuần 20/04/2026 đến 17/04/2026, giá cà phê thế giới tăng trên hai sàn giao dịch New York và London. Cụ thể, giá cà phê Robusta kỳ hạn tháng 05/2026 tại thị trường London bình quân đạt 3.453 USD/tấn, tăng 2% so với tuần trước và giảm 29% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 3.528 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 3.351 USD/tấn. [1]

Tại thị trường New York, giá cà phê Arabica kỳ hạn tháng 5/2026 bình quân đạt 6.633 USD/tấn, tăng 1,7% so với tuần trước, và giảm 13% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cao nhất trong tuần đạt 6.708 USD/tấn, giá thấp nhất trong tuần là 6.536 USD/tấn.[1]

XUẤT KHẨU CÀ PHÊ TOÀN CẦU

Báo cáo tháng 3/2026 của ICO cho thấy xuất khẩu cà phê toàn cầu trong tháng 2/2026 đạt 11,46 triệu bao, giảm 5,70% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh xu hướng điều chỉnh ngắn hạn của nguồn cung thương mại quốc tế. Tuy nhiên, lũy kế 5 tháng đầu niên vụ 2025–2026 (10/2025-2/2026) vẫn ghi nhận mức tăng 4,50%, đạt 57,77 triệu bao, cho thấy động lực xuất khẩu trung hạn vẫn duy trì tích cực.[2]

Xét theo khu vực, Nam Mỹ ghi nhận mức suy giảm mạnh 21,80% trong tháng 2, xuống còn 3,61 triệu bao, chủ yếu do Brazil giảm 21,10%, phản ánh yếu tố chu kỳ và điều chỉnh nguồn cung.[2]

Ngược lại, khu vực Trung Mỹ và Mexico, bao gồm Costa Rica,

Guatemala, Honduras, Nicaragua và El Salvador, ghi nhận mức tăng trưởng xuất khẩu khoảng 30%, đạt 1,98 triệu bao, hàm ý xu hướng phục hồi nguồn cung Arabica chế biến ướt; tuy nhiên, việc lượng hàng chưa hiện diện đầy đủ tại thị trường tiêu thụ cho thấy một phần đáng kể vẫn đang trong quá trình vận chuyển.[2]

Khu vực châu Á, xuất khẩu giảm nhẹ 4,70% xuống 4,45 triệu bao, nguyên nhân chủ yếu do xuất khẩu cà phê của Việt Nam trong tháng 2/2026 giảm 14,90% do kỳ nghỉ Tết Nguyên đán.[2]

Khu vực châu Phi ghi nhận mức tăng 5,90%, đạt 1,43 triệu bao, dẫn dắt bởi cà phê Arabica của Ethiopia và cà phê Robusta của Uganda.[2]



UGANDA

Báo cáo của Cơ quan Phát triển Cà phê Uganda (UCDA) cho thấy xuất khẩu cà phê của Uganda trong tháng 2/2026 đạt 651.933 bao, tăng 14,94% so với cùng kỳ năm trước, phản ánh xu hướng phục hồi tích cực của hoạt động thương mại cà phê. Trong đó, xuất khẩu Robusta đạt 512.237 bao, tăng 7,51%, trong khi Arabica tăng mạnh 53,93%, đạt 139.696 bao, cho thấy sự cải thiện đáng kể ở phân khúc cà phê chất lượng cao.[3]

Tổng lượng xuất khẩu cà phê Uganda 5 tháng đầu niên vụ 2025/2026 (từ tháng 10/2025) đạt 3,05 triệu bao, tăng 25,26% so với cùng kỳ niên vụ trước, khẳng định động lực tăng trưởng ổn định của ngành. Giá trị xuất khẩu trong tháng 2 cũng tăng 5,75%, đạt 180,98 triệu USD.[3]

Với vai trò là quốc gia sản xuất Robusta hàng đầu châu Phi, Uganda được dự báo đạt sản lượng khoảng 8 triệu bao trong niên vụ hiện tại, bao gồm khoảng 7 triệu bao Robusta và 1 triệu bao Arabica. Sản lượng cà phê Uganda niên vụ 2026/2027 có thể tăng nhẹ lên 8,4 triệu bao, chủ yếu nhờ gia tăng sản lượng Robusta.[3]

COLOMBIA

Mưa lớn kéo dài gây ngập lụt diện rộng tại Colombia đang gây ảnh hưởng nghiêm trọng đối với ngành cà phê. Thời tiết bất lợi kết hợp với giá cả biến động và chi phí đầu vào tăng cao làm gia tăng áp lực lên người sản xuất. Theo Liên đoàn Quốc gia người trồng cà phê Colombia, lượng mưa vượt ngưỡng đã làm suy giảm năng suất, đồng thời làm gia tăng rủi ro dịch bệnh như nấm Roya và ảnh hưởng đến quá trình ra hoa, kết trái của cây cà phê.[4]

Sản lượng cà phê Colombia Quý I/2026 chỉ đạt 2,51 triệu bao (60 kg), giảm 33,5% so với cùng kỳ năm trước; riêng tháng 3/2026 đạt 754.000 bao, cho thấy xu hướng suy giảm mang tính hệ thống. Lũy kế niên vụ (10/2025–3/2026) đạt 6,22 triệu bao, thấp hơn đáng kể so với mức 8,68 triệu bao của chu kỳ trước, trong khi tổng sản lượng 12 tháng đạt 12,41 triệu bao, phản ánh suy giảm cấu trúc.

Hệ quả là xuất khẩu giảm 29%, còn 2,56 triệu bao, buộc Colombia gia tăng nhập khẩu (1,33 triệu bao trong 12 tháng) nhằm đảm bảo nguồn cung cho chế biến nội địa, qua đó làm gia tăng áp lực lên giá cà phê toàn cầu.[4]

NHẬT BẢN

Trong bối cảnh biến đổi khí hậu làm thu hẹp diện tích canh tác cà phê toàn cầu, Nhật Bản đang thử nghiệm mở rộng sản xuất cà phê nội địa sang các khu vực phía Bắc như Hokkaido và Tohoku. Các nghiên cứu cho thấy nhiệt độ tăng và lượng mưa giảm có thể khiến diện tích phù hợp trồng Arabica toàn cầu giảm một nửa vào năm 2050, buộc các quốc gia tiêu thụ lớn phải tìm kiếm giải pháp thích ứng.[5]

Tại tỉnh Yamagata, các mô hình trồng cà phê trong nhà kính đã ghi nhận bước tiến ban đầu với cây sinh trưởng tốt và bắt đầu cho quả, dù năng suất còn hạn chế. Các biện pháp kỹ thuật như kiểm soát nhiệt độ mùa đông đã giúp cải thiện tỷ lệ sống và cho thu hoạch thử nghiệm từ năm 2024. Song song, các cơ sở nghiên cứu tại Hokkaido đang tận dụng nhiệt dư từ năng lượng sinh học để duy trì sinh trưởng cây giống, mở ra khả năng canh tác tại vùng khí hậu lạnh.[5]

Với nhu cầu tiêu thụ khoảng 400.000 tấn/năm, theo Hiệp hội Cà phê Nhật Bản (AJCA), Nhật Bản là quốc gia tiêu thụ cà phê lớn thứ tư thế giới – đang chủ động đa dạng hóa nguồn cung trong dài hạn.[5]

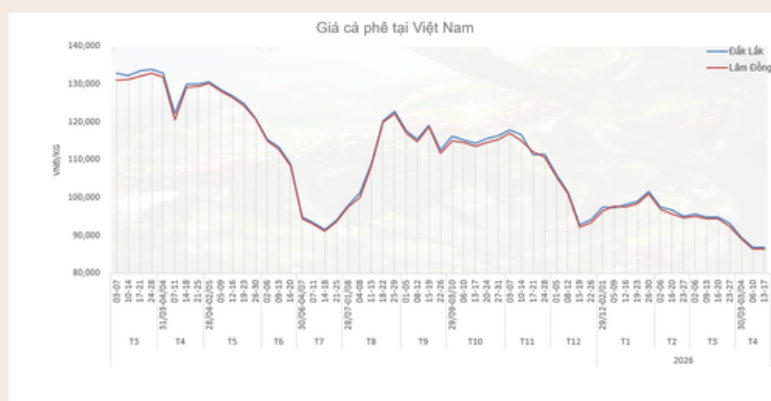
CHỐNG PHÁ RỪNG TRONG SẢN XUẤT CÀ PHÊ

Báo cáo “Forest 500” năm 2026 của tổ chức Global Canopy cho thấy ngành cà phê vẫn là một trong những lĩnh vực có mức độ cải thiện chậm trong việc kiểm soát rủi ro mất rừng, dù EUDR đã thúc đẩy thay đổi hành vi doanh nghiệp tại châu Âu. Báo cáo đánh giá 500 công ty có ảnh hưởng lớn đến các chuỗi cung ứng liên quan đến rừng, dựa trên thông tin công bố công khai. Kết quả cho thấy chỉ 14% doanh nghiệp đề cập đến EUDR trong các tài liệu liên quan đến chống mất rừng, trong khi tiến độ triển khai bị ảnh hưởng bởi việc lùi thời hạn áp dụng đến năm 2026–2027. Đối với ngành cà phê, tỷ lệ doanh nghiệp có cam kết không gây mất rừng đạt 47% năm 2025, tăng nhẹ so với năm trước, và tỷ lệ áp dụng truy xuất nguồn gốc đạt 18%. Tuy nhiên, chỉ 5% doanh nghiệp báo cáo hơn một nửa sản lượng cà phê không liên quan đến mất rừng, cho thấy khoảng cách lớn giữa cam kết và thực thi. Trong số các doanh nghiệp, Nestlé được xếp nhóm dẫn đầu, trong khi nhiều doanh nghiệp rang xay và thương mại vẫn thuộc nhóm tiến triển chậm hoặc thiếu cam kết rõ ràng.[6]

ĐIỂM TIN

- Giá cà phê tại Lâm Đồng Đắc Lắc không đổi so với tuần trước.
- Sản lượng Robusta Việt Nam 10/2025–1/2026 đạt 31 triệu bao; cả niên vụ 2025/2026 dự báo xuất khẩu cà phê đạt 24,5 triệu bao, tăng 10,5%.
- Trong Quý I/2026, giá cà phê nội địa tại Việt Nam ghi nhận xu hướng giảm mạnh khoảng 11%, tương đương 10.500 VNĐ/kg.
- Việt Nam tham gia Coffee Expo Seoul 2026 (COEX) tại Hàn Quốc.
- Ủy ban nhân dân tỉnh Đắc Lắc phối hợp với UNESCO tổ chức Diễn đàn Di sản Cà phê Thế giới 2026.

THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC



NGUỒN: CTV AGREINFOS

GIÁ CÀ PHÊ TRONG TUẦN

Trong tuần từ 20/04/2026 đến ngày 17/04/2026, giá cà phê tại các tỉnh Lâm Đồng và Đắc Lắc không đổi với tuần trước. Tại Đắc Lắc, giá cà phê bình quân đạt 86.913 VNĐ/kg, giữ nguyên so với tuần trước, và giảm 28,9% so với cùng kỳ năm 2025. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 88.233 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 85.933 VNĐ/kg.[1]

Tại Lâm Đồng, giá cà phê trung bình đạt 86.520 VNĐ/kg, giữ nguyên so với tuần trước, và giảm 28,3% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê cao nhất trong tuần đạt 87.900 VNĐ/kg. Giá cà phê thấp nhất trong tuần là 85.500 VNĐ/kg. [1]

SẢN LƯỢNG VÀ XUẤT KHẨU CÀ PHÊ VIỆT NAM HỒI PHỤC

Điều kiện thời tiết tại Việt Nam đang được theo dõi chặt chẽ trong bối cảnh niên vụ cà phê 2025–2026 bước vào giai đoạn phát triển quan trọng. Khu vực Tây Nguyên ghi nhận điều kiện thuận lợi cho cà phê trong Quý I/2026, với mùa mưa dự kiến bắt đầu từ tháng 4 và có xu hướng gia tăng vào cuối tháng, góp phần cải thiện độ ẩm đất và triển vọng năng suất.[2]

Sản lượng thu hoạch giai đoạn tháng 10/2025 đến tháng 1/2026 ước đạt khoảng 31 triệu bao Robusta, tăng 13,55% so với niên vụ trước, phản ánh sự phục hồi sau ba năm liên tiếp suy giảm. Dự báo cả niên vụ 2025–2026, xuất khẩu có thể đạt 24,5 triệu bao, tăng khoảng 10,5%, nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng toàn cầu.[2]

Theo số liệu của Cục Hải quan Việt Nam, xuất khẩu lũy kế 6 tháng đầu niên vụ đạt 14,92 triệu bao, tăng 23,96% so với cùng kỳ. Mặc dù sản lượng tăng giúp cải thiện nguồn cung, tồn kho chuyển sang niên vụ 2026–2027 dự kiến vẫn ở mức thấp, trong khi sản lượng niên vụ tới được ước tính khoảng 30,5 triệu bao Robusta.[2]

GIÁ CÀ PHÊ VIỆT NAM QUÝ I/2026

Trong Quý I/2026, giá cà phê nội địa tại Việt Nam ghi nhận xu hướng giảm mạnh khoảng 11%, tương đương khoảng 10.500 VNĐ/kg, phản ánh tác động của diễn biến cung – cầu trên thị trường quốc tế. Đến cuối quý, giá cà phê giảm xuống còn khoảng 87.000–87.700 VNĐ/kg, với mức cụ thể tại Đắk Nông đạt 87.700 VNĐ/kg, Đắk Lắk và Gia Lai cùng ở mức 87.500 VNĐ/kg, trong khi Lâm Đồng thấp hơn, khoảng 87.000 VNĐ/kg.[3]

Sang tháng 4/2026, giá tiếp tục duy trì ở mức thấp, dao động trong khoảng 85.500–86.000 VNĐ/kg, giảm khoảng 13% so với cuối năm 2025 và giảm gần 37% so với mức đỉnh 135.500 VNĐ/kg ghi nhận vào tháng 3/2025.[3]

Nguyên nhân chủ yếu của xu hướng suy giảm này được xác định là do nguồn cung cà phê toàn cầu phục hồi rõ rệt, đặc biệt ở phân khúc Robusta. Sự gia tăng xuất khẩu từ Việt Nam cùng với nguồn cung mới từ các vụ thu hoạch tại Brazil và Indonesia đã tạo áp lực giảm giá trên thị trường. [3]

CÀ PHÊ VIỆT NAM TẠI HÀN QUỐC

Việt Nam tham gia Coffee Expo Seoul 2026 (COEX) tại Hàn Quốc không chỉ mang ý nghĩa xúc tiến thương mại mà còn phản ánh rõ định hướng chiến lược chuyển dịch của ngành cà phê trong bối cảnh kinh tế toàn cầu biến động. Tại lễ khai mạc Gian hàng quốc gia Việt Nam diễn ra tại Trung tâm Hội nghị và Triển lãm COEX, Đại sứ Vũ Hồ nhấn mạnh Việt Nam đang chuyển từ mô hình tăng trưởng dựa trên sản lượng sang chú trọng chất lượng, giá trị gia tăng và phát triển bền vững. Sự kiện do Hiệp hội Cà phê và Cacao Việt Nam phối hợp tổ chức, quy tụ nhiều doanh nghiệp trong và ngoài nước, qua đó thể hiện năng lực sản xuất và khả năng thích ứng ngày càng cao của ngành. Trong khuôn khổ quan hệ Đối tác chiến lược toàn diện Việt Nam – Hàn Quốc, hợp tác cà phê được đánh giá có tiềm năng mở rộng, đặc biệt trong thương mại, công nghệ và phát triển bền vững. Thông qua sự kiện, Việt Nam tiếp tục khẳng định vai trò là trung tâm sản xuất và xuất khẩu cà phê quan trọng trên thị trường quốc tế.[4]

CÀ PHÊ VIỆT NAM TRỞ THÀNH DI SẢN TOÀN CẦU

Diễn đàn Di sản Cà phê Thế giới 2026 tổ chức tại Buôn Ma Thuột đã định hình cách tiếp cận mới đối với cà phê Việt Nam như một “di sản sống” trong bối cảnh toàn cầu hóa. Sự kiện do Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk phối hợp với UNESCO và các đối tác tổ chức, quy tụ nhiều nhà quản lý, chuyên gia và cộng đồng thực hành cà phê trong nước và quốc tế. Tại diễn đàn, cà phê được nhìn nhận không chỉ là sản phẩm nông nghiệp mà còn là không gian văn hóa tích hợp tri thức bản địa, tập quán xã hội và giá trị tinh thần được lưu truyền qua nhiều thế hệ. Các tham luận khoa học tập trung vào lịch sử, sản xuất, văn hóa tiêu dùng và phát triển bền vững, qua đó làm rõ vai trò liên ngành của cà phê trong kết nối kinh tế – xã hội. Trong bối cảnh toàn cầu đối mặt với thách thức về phát triển bền vững, việc định vị cà phê như một di sản sống góp phần nâng cao giá trị gia tăng, thúc đẩy đối thoại đa văn hóa và củng cố vị thế của Việt Nam như một trung tâm cà phê quan trọng trên thế giới.[5]

GIÁ CÀ PHÊ NHÂN XÔ

ĐVT: VNĐ/kg

Tỉnh/ huyện	Thứ 2	Thứ 3	Thứ 4	Thứ 5	Thứ 6	Trung bình	Tăng/ giảm
LÂM ĐỒNG	85,500	86,000	86,600	87,900	86,600	86,520	40
Di Linh	85,500	86,000	86,600	87,900	86,600	86,520	40
Lâm Hà	85,500	86,000	86,600	87,900	86,600	86,520	40
Bảo Lộc	85,500	86,000	86,600	87,900	86,600	86,520	40
ĐẮK LẮK	85,933	86,433	87,033	88,233	86,933	86,913	0
Cư M'gar	86,000	86,500	87,100	88,300	87,000	86,980	0
Ea H'leo	85,900	86,400	87,000	88,200	86,900	86,880	0
Buôn Hồ	85,900	86,400	87,000	88,200	86,900	86,880	0
GIA LAI	85,933	86,433	87,033	88,233	86,933	86,913	53
Chư Prông	86,000	86,500	87,100	88,300	87,000	86,980	120
Pleiku	85,900	86,400	87,000	88,200	86,900	86,880	20
La Grai	85,900	86,400	87,000	88,200	86,900	86,880	20
Quảng Ngãi	85,900	86,400	87,000	88,200	86,900	86,880	20
Kon Tum	85,900	86,400	87,000	88,200	86,900	86,880	20

Nguồn: CTV Agreinfos, Giacaphe.com

TÀI LIỆU THAM KHẢO

THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

- [1]: <https://www.investing.com>
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://www.iandmsmith.com>
- [4]: <https://coffeegeography.com>
- [5]: <https://japannews.yomiuri.co.jp>
- [6]: <https://dailycoffeenews.com>

THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM

- [1]: Cộng tác viên của Agreinfos
- [2]: <https://www.iandmsmith.com>
- [3]: <https://vietnambiz.vn>
- [4]: <https://nhandan.vn>
- [5]: <https://baochinhphu.vn>



Hệ thống thông tin thị trường cho
một số ngành hàng nông sản chiến lược - gạo, cà phê và rau quả

ĐƠN VỊ THỰC HIỆN:

TRUNG TÂM THÔNG TIN VÀ DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG

Địa chỉ: 16. Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn; Website: www.agro.gov.vn